

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2024

V/v : Ly hôn, tranh chấp

nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tường

Ông Phạm Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị B, sinh năm 1996 “vắng mặt”

ĐKKH: SN 21/62 đường Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Xóm G, xã G, huyện T, tỉnh Hòa Bình

Bị đơn: Anh Lê Đỗ L, sinh năm 1990 “vắng mặt”

Trú tại: Số nhà B đường Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Đỗ L kết hôn với nhau vào năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố T. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L chơi bời, nghiện ngập dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, tình cảm rạn nứt. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, do mâu thuẫn càng tăng nên anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 9/2019 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- Về con: Anh chị có 01 con chung: cháu Lê Đỗ Hòa B1, sinh ngày 01/12/2014. Ly hôn, chị xin được nuôi cháu và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ: Chị B không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn anh Lê Đỗ L theo quy định của pháp luật nhưng anh L không đến Tòa án để tự khai cũng như tham gia phiên hòa giải, xét xử.

Tại phiên tòa, chị B có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên các quan điểm như đã trình bày. Anh L vắng mặt không có lý do

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành của nguyên đơn kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với bị đơn là anh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt chị B, anh L là đúng quy định.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Đây là vụ án ly hôn, bị đơn cư trú tại thành phố T. Do đó, Tòa án thành phố T thụ lý và giải quyết là đúng quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt chị B, anh L là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân:* Chị Bùi Thị B và anh Lê Đỗ L kết hôn với nhau vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Qua xác minh tại địa phương thể hiện: anh chị chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân cụ thể thì địa phương không biết vì anh chị không báo lại. Hiện anh L mới đi chấp hành án về và đang sinh sống tại địa phương, còn chị B cùng với con đã về nhà bố mẹ đẻ ở Hòa Bình ở.

Quá trình giải quyết vụ án, chị B khai anh chị chung sống đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn

bản tố tụng cho anh L để tham gia tố tụng nhưng anh đều vắng mặt, điều đó cho thấy anh không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Bùi Thị B được ly hôn anh Lê Đỗ L là phù hợp.

- *Về con*: Anh chị có 01 con chung: cháu Lê Đỗ Hòa B1, sinh ngày 01/12/2014, ly hôn chị B xin được nuôi cháu. Xét thấy, từ khi anh chị sống ly thân cháu ở cùng với chị B và nguyện vọng cháu xin được ở với mẹ, mặt khác chị cũng có công việc và thu nhập ổn định do đó giao cháu cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị B không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Xét yêu cầu của chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Về tài sản, công nợ: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh L không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/QH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị B được ly hôn anh Lê Đỗ Lĩnh

Về con: Công nhận cháu Lê Đỗ Hòa B1, sinh ngày 01/12/2014 là con chung của chị B và anh L. Giao cháu B1 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung

Anh L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không được ai cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị B phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai số AA/2022/0002917 ngày 13/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (chị B đã nộp đủ án phí).

Chị B, anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA- TPTH;
- U;
- Lưu hồ sơ .

Trần Thị T

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Cát Tường Phạm Văn Tiến

Trần Thị Thủy

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA- TPTH;
- U;
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị T

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Vụ Nguyễn Thị H

Trần Thị T

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA- TPTH;
- UBND P. Tào Xuyên;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thủy

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2021/QĐ-SCBSBA

TP Thanh Hóa, ngày 30 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

Căn cứ Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét thấy cần sửa chữa, bổ sung quyết định do có nhầm lẫn về số liệu trong bản án số 83/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Nhung - SN 1983

ĐKKH: Phố Lễ Môn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Xóm Lạc Hồng, xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

2. *Bị đơn*: Anh Đỗ Huy Trường - Sinh năm

Trú tại: Phố Lễ Môn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung bản án số 83/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa như sau:

Tại dòng thứ 11 đến 14 trang 04 từ trên xuống của quyết định đã ghi: Giao 02 cháu cho anh Trường trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nhung cấp dưỡng nuôi con 700.000đ/tháng/01 cháu (02 cháu là 1.400.000đ/tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2021 cho đến khi các cháu thành niên.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: Giao 02 cháu cho anh Trường trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nhung cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng/01 cháu (02 cháu là 2.000.000đ/tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2021 cho đến khi các cháu thành niên.

Nơi nhận:

- C.C @--ng sù;
- VKS TPTH;
- THATPTH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thủy

